

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 4 THÔNG QUA DẠY LUYỆN TỪ VÀ CÂU: KHẢO SÁT TRƯỜNG HỢP KHUẤT THỊ LAN* - HOÀNG NGỌC BÍCH**

TÓM TẮT: Luyện từ và câu là một phân môn trong môn học tiếng Việt ở bậc tiểu học. Luyện từ và câu góp phần quan trọng trong việc phát triển năng lực tiếng Việt ở bậc tiểu học. Vì thế, bài viết này khảo sát thực tế dạy phân môn luyện từ và câu cho học sinh lớp bốn ở hai trường tiểu học tại Hà Nội. Thông qua kết quả khảo sát, bài viết muốn khẳng định lại tầm quan trọng của học phần này, chỉ ra ưu điểm và hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học phân môn này.

TỪ KHÓA: luyện từ và câu; tiếng việt; lớp 4; tiểu học; năng lực tiếng Việt.

NHẬN BÀI: 20/2/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/5/2022

1. Đặt vấn đề

Môn tiếng Việt ở Tiểu học bao gồm các phân môn như: Học văn, Tập đọc, Tập viết, Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn. Trong đó, “Luyện từ và câu” có nhiệm vụ cung cấp kiến thức về từ và câu nhằm giúp học sinh sử dụng hợp lý từ vựng và mẫu câu khi nói và viết. Dạy học “Luyện từ và câu” chính là dạy cho học sinh biết cách dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu thích hợp để thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình một cách hiệu quả; đồng thời giúp học sinh có khả năng hiểu và lĩnh hội được những phát ngôn của người khác. Dạy học “Luyện từ và câu” là một trong những cách cơ bản để phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh.

Có thể thấy, “Luyện từ và câu” có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Ở lớp 4, môn học này được bố trí 62 tiết trong đó có 19 tiết cung cấp từ vựng, số tiết còn lại chủ yếu cung cấp kiến thức về ngữ pháp.

Bài viết này khảo sát tình hình dạy-học “Luyện từ và câu lớp 4” tại 4 lớp của hai trường tại Hà Nội là: Lớp 4A và 4B thuộc Trường Tiểu học Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy và Lớp 4A2 và 4A10 thuộc Trường Tiểu học Chu Văn An, quận Hoàng Mai. Đối tượng khảo sát là giáo viên và học sinh, cụ thể: giáo viên (GV): 20; học sinh (HS): 144. Số lượng chia đều cho 02 trường: GV: 10, HS: 72. Cách khảo sát: bảng hỏi. Thời gian khảo sát: năm 2019.

Khảo sát giáo viên:

1. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong quá trình dạy học Luyện từ và câu lớp 4.
2. Những hình thức dạy học mà giáo viên thường sử dụng trong quá trình dạy học Luyện từ và câu lớp 4:

- a) Dạy học cá nhân.
- b) Dạy học theo nhóm.
- c) Dạy học cả lớp.
- d) Giải quyết tình huống có vấn đề.
- e) Hỏi - đáp giữa giáo viên với học sinh.
- g) Hỏi - đáp giữa học sinh với học sinh
- h) Thực hành qua các dạng bài tập.
- i) Trò chơi học tập.

Khảo sát học sinh:

1. Ý kiến của học sinh về các hình thức dạy Luyện từ và câu của thầy/ cô:
 - a) hứng thú; b) bình thường; c) không hứng thú.

* TS; Trường Đại học Sư phạm 2; Email: khuatlan76@gmail.com

** Trường Tiểu học Nghĩa Tân, Hà Nội; Email: bichngghiatan@gmail.com

2. Kể tên những bài Luyện từ và câu em cho là khó và nêu lí do.

2. Cơ sở chuyên môn

2.1. Chương trình dạy học định hướng phát triển năng lực ngôn ngữ là một tên gọi khác hay một mô hình cụ thể hoá của chương trình định hướng kết quả đầu ra - một công cụ để thực hiện giáo dục định hướng điều khiển đầu ra. Nội dung dạy học theo quan điểm phát triển năng lực ngôn ngữ không chỉ giới hạn trong tri thức và kĩ năng chuyên môn mà gồm những nhóm nội dung nhằm phát triển các năng lực như: đọc, viết, nói-nghe.

Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực ngôn ngữ không chỉ chú ý tích cực hoá HS về hoạt động trí tuệ chuyên môn mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường học tập nhóm, đổi mới mối quan hệ giữa GV và HS theo hướng cộng tác góp phần phát triển năng lực xã hội cho HS. Bên cạnh việc học tập những tri thức và kĩ năng riêng lẻ của các môn học chuyên môn, cách dạy học này còn bổ sung các chủ đề học tập phức hợp nhằm giúp HS phát triển năng lực giải quyết các vấn đề mỗi khi gặp phải, nhất là những vấn đề có phần phức tạp.

2.2. Luyện từ và câu cung cấp cho HS các kiến thức sơ giản về từ và câu, bao gồm: mở rộng vốn từ theo các chủ điểm; ngữ âm-chính tả gồm: cấu tạo tiếng; cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam; cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài; cách viết tên các cơ quan, tổ chức, giải thưởng, danh hiệu, huân chương; cấu tạo từ, từ phân loại theo cấu tạo: từ đơn, từ phức; kiến thức về nghĩa của từ và các thao tác, phương pháp giải nghĩa từ cơ bản; các lớp từ vựng tiếng Việt: từ toàn dân - từ địa phương, từ đồng nghĩa, từ đồng âm, từ trái nghĩa...; từ loại (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ); các kiểu câu như: các câu trần thuật cơ bản (Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?); các loại câu xét theo mục đích phát ngôn (câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến), theo cấu tạo (câu đơn, câu ghép); các quy tắc dùng từ đặt câu và tạo văn bản (viết đoạn văn); thành phần câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ); liên kết câu; dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang); các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa).

2.3. Nhiệm vụ cơ bản của dạy học Luyện từ và câu là làm giàu vốn từ và phát triển năng lực dùng từ đặt câu cho HS, cụ thể:

Thứ nhất, dạy nghĩa của từ với mục đích giúp HS nắm được nghĩa của từ, đồng thời nắm được tính nhiều nghĩa và sự chuyển nghĩa của từ. Vận dụng các phương pháp dạy học đặc trưng của phân môn để hình thành khả năng phát hiện từ mới cần tiếp nhận trong văn bản, nắm được thao tác giải nghĩa từ, nhận ra những nghĩa mới của từ đã biết, làm rõ sắc thái nghĩa khác nhau của từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Thứ hai, hệ thống hóa vốn từ với mục đích giúp HS biết cách sắp xếp các từ một cách có hệ thống để tích lũy từ được nhanh chóng và tạo ra tính thường trực của từ, tạo điều kiện cho việc huy động và sử dụng từ trong hoạt động lời nói được thuận lợi. Phương pháp cơ bản là đối chiếu từ trong hệ thống hàng dọc của chúng, đặt từ trong hệ thống liên tưởng cùng chủ đề, đồng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, cùng cấu tạo, v.v.

Thứ ba, tích cực hóa vốn từ nhằm mục đích giúp học sinh sử dụng từ, phát triển kĩ năng sử dụng từ trong nói và viết bằng cách tăng cường đưa từ vào trong vốn từ tích cực được học sinh dùng thường xuyên.

Thứ tư, rèn kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng câu đúng mục đích giao tiếp nhằm giúp học sinh biết cách đặt câu, sử dụng các kiểu câu đúng mẫu, đúng mục đích và hoàn cảnh giao tiếp. Phương pháp cơ bản là thực hành giao tiếp, đặt câu gắn với các tình huống giao tiếp giả định phù hợp với môi trường hoạt động của lứa tuổi học sinh tiểu học.

Bên cạnh các nhiệm vụ nêu trên, phân môn Luyện từ và câu còn thực hiện nhiệm vụ rèn luyện tư duy và giáo dục thẩm mĩ cho học sinh.

Có thể khái quát nhiệm vụ cơ bản của phân môn Luyện từ và câu là: làm giàu vốn từ và phát triển năng lực dùng từ đặt câu cho HS, cụ thể bao gồm: dạy nghĩa từ; hệ thống hóa vốn từ; tích cực hóa vốn từ; rèn kĩ năng dùng từ đặt câu và sử dụng câu đúng mục đích giao tiếp. Ngoài ra, Luyện từ và câu

còn thực hiện nhiệm vụ rèn luyện tư duy và giáo dục thẩm mỹ cho HS. Phân môn “Luyện từ và câu” tạo cho HS môi trường giao tiếp để HS mở rộng vốn từ có định hướng, trang bị cho HS các kiến thức cơ bản về Tiếng Việt gắn với các tình huống giao tiếp thường gặp. Từ đó nâng cao các kỹ năng sử dụng tiếng Việt của HS. Qua các bài mở rộng vốn từ, HS được cung cấp thêm các từ ngữ mới theo chủ đề hoặc nghĩa, các yếu tố Hán Việt; rèn luyện khả năng huy động vốn từ theo chủ đề; rèn luyện sử dụng từ, sử dụng thành ngữ tục ngữ. Thông qua các bài tập câu tạo của tiếng, câu tạo của từ, HS được tìm hiểu về câu tạo của tiếng, tìm hiểu phương thức tạo từ mới để phục vụ cho nhu cầu giao tiếp.

Số tiết Luyện từ và câu theo sách giáo khoa tiếng Việt lớp 4 được phân bổ 2 tiết/tuần. Sau mỗi tiết hình thành kiến thức là một loạt các bài tập củng cố bài.

3. Kết quả khảo sát và đề xuất

3.1. Kết quả khảo sát

- Đối với giáo viên

a. Những khó khăn và thuận lợi trong quá trình dạy:

- Thuận lợi:

Sách giáo khoa in rõ và có hình thức đẹp. Các bài học được xếp theo chủ đề. Các đề tài được chọn để dạy tương đối phù hợp với ngưỡng năng lực tiếp cận của lứa tuổi học sinh lớp 4.

Nhà trường nhận được sự quan tâm của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận, các cấp lãnh đạo và Ban Giám hiệu nhà trường trong toàn bộ hoạt động, trong đó, chú trọng công tác tập huấn, sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

Học sinh có đủ sách giáo khoa để học tập. Học sinh mạnh dạn, tự tin. Một số học sinh có điều kiện thuận lợi để tìm hiểu bài sâu hơn ở nhà (như: sử dụng internet, sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...).

Giáo viên chuẩn bị tốt nội dung dạy, có đầy đủ tranh ảnh minh họa cho từng bài học, có thời gian rèn luyện thêm cho học sinh.

- Khó khăn:

Một số kiến thức mới, câu tạo từ, câu đã bắt đầu có những yếu tố phức tạp nên học sinh cần được giảng dạy và thực hành nhiều lần. Một số bài nội dung tìm hiểu bài khó, học sinh chưa nắm vững.

Một số học sinh chưa có thói quen đọc văn bản trước khi đến lớp, chưa chủ động trong việc tìm hiểu nội dung bài. Lực học của học sinh chưa đồng đều.

Một số phụ huynh ít quan tâm đến việc học tập của các em.

b. Những hình thức dạy học mà giáo viên thường sử dụng:

Trong quá trình dạy Luyện từ và câu lớp 4, các giáo viên thường sử dụng các hình thức như: dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học cả lớp, giải quyết tình huống có vấn đề, hỏi - đáp giữa giáo viên với học sinh, hỏi - đáp giữa học sinh với học sinh, thực hành qua các dạng bài tập, trò chơi học tập. Cụ thể như sau

Bảng 1. Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học

STT	Hình thức	Mức độ					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Dạy học cá nhân	15	75	5	25	0	0
2	Dạy học theo nhóm	17	85	3	15	0	0
3	Dạy học cả lớp	19	95	1	5	0	0
4	Giải quyết tình huống có vấn đề	8	40	10	50	2	10
5	Hỏi - đáp giữa giáo viên với học sinh	20	100	0	0	0	0
6	Hỏi - đáp giữa học sinh với học sinh	2	10	5	25	13	65
7	Thực hành qua các dạng bài tập	18	90	2	10	0	0

8	Trò chơi học tập	2	10	8	40	10	50
---	------------------	---	----	---	----	----	----

Số liệu thống kê cho thấy, hình thức dạy học được sử dụng thường xuyên nhất ở Tiểu học là hỏi - đáp giữa giáo viên với học sinh (100%), dạy học cả lớp (95%) và thực hành qua các dạng bài tập (90%), dạy học theo nhóm (85%), dạy học cá nhân (75%). Một số các hình thức dạy học khác được giáo viên sử dụng với tần suất ít hơn như: hình thức giải quyết tình huống các vấn đề (40%), hỏi - đáp giữa học sinh với học sinh (10%), trò chơi học tập (10%).

- Đối với học sinh

Khảo sát về thái độ của học sinh đối với các hình thức dạy Luyện từ và câu của thầy/cô theo các mức độ “hứng thú”, “bình thường”, “không hứng thú” đối với các hình thức dạy học đã nêu ở trên, kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Mức độ yêu thích của học sinh với các hình thức tổ chức dạy học

STT	Hình thức	Mức độ					
		Hứng thú		Bình thường		Không hứng thú	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Dạy học cá nhân	47	32,6	54	37,5	43	29,9
2	Dạy học theo nhóm	51	35,4	65	45,1	24	30,6
3	Dạy học cả lớp	40	27,8	51	35,4	53	63,2
4	Giải quyết tình huống có vấn đề	3574	51,4	48	33,3	22	15,3
5	Hỏi - đáp giữa giáo viên với học sinh	627	18,7	60	41,7	33	39,6
6	Hỏi - đáp giữa học sinh với học sinh	65	45,1	58	40,3	21	14,6
7	Thực hành qua các dạng bài tập	58	40,3	47	32,6	39	27,1
8	Trò chơi học tập	125	86,8	12	8,3	7	4,9

Kết quả khảo sát cho thấy, học sinh có hứng thú cao với hình thức học tập trò chơi (86,8%). Mức độ hứng thú giảm dần ở các hình thức học tập khác: giải quyết tình huống có vấn đề (54,4%), hỏi đáp giữa học sinh và học sinh (45,1%), thực hành qua các dạng bài tập (40,3%), dạy học theo nhóm (35,4%), dạy học cá nhân (32,6%). Các hình thức học tập còn lại chưa tạo được sự hứng thú cao với học sinh như: dạy học cả lớp (27,8%), hỏi đáp giữa giáo viên và học sinh (18,7%).

Cùng với khảo sát trên, chúng tôi có tiến hành khảo sát những bài luyện từ và câu mà các em cho là khó. Kết quả khảo sát cho thấy, có ba nội dung (ba bài) học sinh cho là khó là: bài về câu đơn - câu phức, bài về danh từ chung - danh từ riêng, bài về trạng ngữ.

Bài về Câu đơn - Câu phức: Do cấu trúc câu phức dài và phức tạp hơn câu đơn, dẫn đến dễ sai, thiếu các thành phần cấu tạo câu.

Bài Danh từ chung - Danh từ riêng: Dễ nhầm lẫn khái niệm chung, riêng.

Các bài Trạng ngữ: Dễ nhầm với chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu.

3.2. Đề xuất một số biện pháp

Thực trạng việc dạy học môn Luyện từ và câu hiện nay còn một số điểm hạn chế thường thấy như sau: giáo viên chủ yếu dạy cho học sinh nhận biết, phân loại các đơn vị ngôn ngữ mà ít chú ý đến việc tạo năng lực sử dụng ngôn ngữ, nên thiếu sự kết nối giữa kiến thức từ vựng với năng lực sử dụng từ vựng của học sinh; giáo viên tập trung dạy học sinh ghi nhớ thông tin, kiến thức nhiều hơn là việc sử dụng kiến thức đó trong việc nói, viết như thế nào, vì thế mà hạn chế năng lực ngôn ngữ của học sinh.

Vì thế, dù học lượng kiến thức ngữ pháp khá lớn nhưng học sinh vẫn khó khăn lúng túng trong sử dụng, đặc biệt là viết văn; về từ vựng, giáo viên thường dừng lại ở việc hướng dẫn học sinh tìm từ, thuộc từ, mà chưa hướng tới việc hiểu nghĩa từ (trong nhiều trường nghĩa khác nhau), cách sử dụng từ một cách linh hoạt trong nói và viết, vì vậy dù số lượng từ nhiều nhưng học sinh vẫn bí từ khi giao tiếp hoặc thiếu vốn từ khi viết đoạn văn, bài văn.

Từ thực trạng trên, nhiều giáo viên đã đề xuất đổi mới phương pháp dạy học phân môn này, cụ thể:

a. *Rèn luyện kỹ năng về từ:*

- Luyện viết từ đúng chính tả: Trong giờ nghe - viết, học sinh sẽ xác định được cách viết đúng chính tả bằng việc tiếp nhận chính xác âm thanh của lời nói, nghĩa là cơ chế của cách viết đúng dựa trên sự xác lập được mối quan hệ giữa âm thanh và chữ viết. Tuy nhiên, trong thực tế, sự biểu hiện của mối quan hệ giữa đọc và viết là khá phong phú và đa dạng, mỗi địa phương có cách phát âm thực tế, tạo nên các biến thể khác nhau nên không thể hoàn thành phương châm nghe như thế nào thì viết như thế ấy. Vì thế, việc hiểu nghĩa của từ là cơ sở giúp người học viết đúng chính tả.

- Luyện dùng từ gần âm, gần nghĩa: lí do là vì các em hay nhầm lẫn những từ gần âm mà nghĩa khác nhau. Ví dụ: “*khuyên góp được nhiều sách vở*” (quyên góp); “*là người rất lãng mạn*” (lãng mạn).

- Luyện dùng từ Hán Việt đúng nghĩa: để dùng được từ Hán-Việt, cần phải hiểu được nghĩa của từ. Nếu không nắm chắc nghĩa của từ Hán Việt ta sẽ mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa. Ví dụ: “*Chàng mặc áo bào đỏ, vai mang cung tên, lưng đeo thanh gươm gia truyền, ngồi trên con ngựa trắng phau*”.

b. *Rèn luyện kỹ năng về câu:*

- Luyện để xác định các thành phần trong câu (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ). Khi nắm vững kiến thức về thành phần câu, cấu tạo câu, học sinh sẽ không mắc lỗi viết câu thiếu chủ ngữ hoặc thiếu vị ngữ (do không hiểu cấu trúc câu, do thói quen nói không tròn câu, do nhầm lẫn các thành phần câu).

- Luyện đặt câu sử dụng đúng dấu câu: đối với từng loại dấu câu, bên cạnh việc dạy lí thuyết, giáo viên cần tìm nhiều ví dụ minh họa trong các tác phẩm văn học, trong các môn học có trong chương trình Sách giáo khoa lớp 4 (Địa lý, Lịch sử, Khoa học, Toán học,...) nhằm giúp các em dễ nhận thức và phân biệt vai trò của từng loại dấu câu trong câu.

- Đặt câu đúng ngữ nghĩa: rèn luyện để học sinh viết đúng các loại câu kể, vì đây là loại câu được dùng nhiều trong các văn bản. Trước hết, dạy các em đặt câu ngắn, đủ cấu trúc, đúng ngữ nghĩa. Dần dần rèn luyện các em đặt câu phức, đặt câu kết hợp lồng ghép dùng từ ngữ sao cho thật hay, phù hợp phong cách ngôn ngữ.

Để thực hiện được các nội dung trên, cần có các biện pháp liên quan đến hình thức tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ trong giờ Luyện từ và câu lớp 4. Nắm vững phân phối chương trình cũng như mối liên hệ gắn kết giữa chương trình Tiếng Việt từ các lớp đầu cấp đến lớp 4, giáo viên sẽ chủ động trong việc tìm ra các phương pháp tổ chức hoạt động dạy học.

Trước hết, phải lập kế hoạch bài học: Giáo viên cần nắm vững nội dung cơ bản của bài học. Theo đó, tùy theo đặc điểm của từng bài học mà xây dựng kế hoạch bài giảng cho phù hợp. Song dù thế nào cũng cần có đầy đủ các hoạt động lớp và tổ chức các hoạt động đó.

Thứ hai, tổ chức hoạt động lên lớp theo hướng đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học, sử dụng linh hoạt các phương pháp, các hình thức tổ chức dạy học. Các hoạt động của tiết dạy không tách rời nhau, mà phải có sự đan xen liên kết và hỗ trợ lẫn nhau.

Thứ ba, giáo viên cần cho học sinh hiểu tầm quan trọng của việc tích lũy kiến thức. Nguồn kiến thức vô cùng quan trọng để các em tích lũy đó là kiến thức sách vở trong chương trình tiểu học, sách báo.

Thứ tư, để tiến trình giờ dạy hợp lí, đảm bảo thời gian và sử dụng các phương pháp, hình thức dạy - học hài hoà giáo viên cần phải nghiên cứu phân bố thời gian từng phần cho hợp lí. Lúc nào giáo viên giảng giải, lúc nào học sinh làm việc, trò chơi như thế nào để gây hứng thú cho các em. Lời giảng, giọng nói của giáo viên âm áp, nhẹ nhàng, truyền cảm sẽ làm cho tiết học hiệu quả hơn. Vì vậy lời nói

của giáo viên cần tự nhiên, chuẩn và đủ, dẫn dắt, chuyển ý ngắn gọn có sự logic, hợp lí. Cần chấm chữa bài, sửa lỗi, đánh giá thường xuyên và cho học sinh tham gia vào quá trình đánh giá.

Cùng với đó, tổ chức các hình thức học tập phù hợp với lứa tuổi, như: tổ chức cho học sinh trao đổi bài theo cặp/ nhóm, sử dụng các trò chơi học tập; vận dụng một số kĩ thuật dạy học mới, như: kĩ thuật "các mảnh ghép", "khăn trải bàn", "động não", "bê cá", "tia chớp", "lược đồ tư duy", "chia sẻ nhóm đôi", "đặt câu hỏi", "đọc tích cực", "viết tích cực", "đóng vai là kĩ thuật", v.v.

4. Kết luận

"Luyện từ và câu" là một trong những phân môn của môn học tiếng Việt ở bậc tiểu học nói chung, ở lớp 4 nói riêng. Theo đó, phân môn này không thể tách rời mà có sự liên kết chặt chẽ với các phân môn khác của môn tiếng Việt. Khảo sát trường hợp thực tế cho thấy những ưu điểm và hạn chế trong cách dạy học hiện nay của phân môn này. Qua đó, vấn đề đặt ra là, cần tìm ra những cách dạy phù hợp để học sinh hứng thú học tập phân môn này cũng như học môn tiếng Việt. Thiết nghĩ, đó chính là cần áp dụng linh hoạt các cách dạy, nhưng không tràn lan, tùy tiện mà cần có lựa chọn để tập trung vào một vài cách dạy mang lại hiệu quả cao nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Chu Thị Thuỷ An (2002), "Đặc điểm của chương trình tiếng Việt tiểu học và những yêu cầu đối với việc đào tạo giáo viên Tiểu học", Tạp chí *Giáo dục*, (39), tr.17.
2. Lê Thị Thanh Bình (2003), "Thực trạng dạy học tiếng Việt ở tiểu học và một số yêu cầu rèn luyện kĩ năng giao tiếp", Tạp chí *Giáo dục*, (65), tr.24.
3. Nguyễn Huy Cận (2001), *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Minh Châu (2018), "*Chương trình môn Tiếng Việt bậc Tiểu học: Coi trọng trang bị 4 kỹ năng*", Báo Giáo dục và Thời đại điện tử.
5. Đặng Thành Hưng (2011), "Năng lực xã hội trong nội dung học văn phổ thông", Tạp chí *Khoa học Giáo dục*, số 31, tháng 12/2011, Hà Nội.
6. Đặng Thành Hưng (2011), "Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực", Tạp chí *Quản lí Giáo dục*, số 43, tháng 12/2012, Hà Nội.
7. Phạm Văn Lam (chủ biên, 2015), *Phát triển năng lực tư duy – ngôn ngữ dành cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Lê Phương Nga- Nguyễn Trí (1999), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội
9. Nguyễn Quang Ninh (1998), *Một số vấn đề dạy ngôn bản nói và viết ở tiểu học theo hướng giao tiếp*, Nxb Giáo dục.

Vietnamese language competence development for grade 4 students through drills at word and sentence levels: a case study

Abstract: Drilling at word and sentence levels is a part of the subject Vietnamese language at primary school. It provides significant contributions to Vietnamese language competence development at primary school level. Therefore, this article examines situations of teaching drills at word and sentence levels to fourth grade students of two primary schools in Hanoi. Via the survey results, the article desires to reaffirm the importance of this learning part, identify its advantages and constraints, and propose some measures to improve the quality of teaching this section.

Key words: drills at word and sentence; Vietnamese language; primary school; fourth grade students; Vietnamese language competence.